

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **52/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/8/2020

Về việc: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Hùng Dương.
2. Ông Nguyễn Văn Hiệp.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Quyết là Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:*** Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1986; địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Tuấn T, sinh năm 1984; địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 14/02/2020 và tại bản tự khai ngày 27/4/2020, nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N trình bày:*

Bà Trần Thị Hồng N và ông Phạm Tuấn T quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND phường

P ngày 06/4/2012. Trong thời gian 02 năm đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc nhưng từ năm 2014 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, cách cư xử với gia đình hai bên không hòa thuận. Ông T thường xuyên đánh đập vợ con, hay uống rượu say và không có trách nhiệm với gia đình. Thực tế, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay nên tình cảm phai nhạt, mục đích hôn nhân nhằm xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ và hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông T. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Hiếu T, sinh ngày 28/7/2012 và cháu Phạm Thanh H sinh ngày 11/4/2015 hiện đang do bà N chăm sóc. Bà N có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Tuấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm. Về mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N đối với bị đơn ông Phạm Tuấn T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Tuấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông T theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng N và ông Phạm Tuấn T là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 06/4/2012 tại UBND phường P, thị xã (Nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Theo đơn khởi kiện, bà N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, cách cư xử với gia đình hai bên không hòa thuận, ông T không chăm lo cho gia đình, không có trách nhiệm với vợ con và còn thường xuyên đánh đập bà N, mặc dù bà N đã cố gắng khuyên nhủ để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay nên tình cảm phai nhạt, mục đích hôn nhân nhằm xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ và hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông T.

Qua xác minh tại địa phương được biết vợ chồng bà N và ông T có mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được, vì vợ chồng bà N và ông T chưa trình báo địa phương về vấn đề mâu thuẫn gia đình. Xét thấy, bà N và ông T không còn sống chung với nhau từ tháng 01/2020 đến nay cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau, người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án xem như ông T đã từ bỏ quyền trình bày để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cũng cho thấy ông T không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà N yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Hồng N và ông Phạm Tuấn T có 02 con chung là cháu Phạm Hiếu T, sinh ngày 28/7/2012 và cháu Phạm Thanh H sinh ngày 11/4/2015, bà N có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét hoàn cảnh thực tế cháu Phạm Thanh H hiện đang được bà N chăm sóc, cháu Phạm Hiếu T có nguyện vọng được sống với mẹ nên cần giao hai con chung cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy

định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59, khoản 1, 2 Điều 81 và các điều 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N đối với bị đơn ông Phạm Tuấn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.**

**1.1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị Hồng N được ly hôn với ông Phạm Tuấn T.

**1.2. Về con chung:** Giao cháu Phạm Hiếu T sinh ngày 28/7/2012 và cháu Phạm Thanh H sinh ngày 11/4/2015 cho bà Trần Thị Hồng N được trực tiếp nuôi dưỡng.

**1.3. Về cấp dưỡng nuôi con:** Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Tuấn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông Phạm Tuấn T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Trần Thị Hồng N thì bà Trần Thị Hồng N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Phạm Tuấn T.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên, khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

**1.4. Về tài sản chung, nợ chung:** Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà Trần Thị Hồng N phải chịu số tiền 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016-0041550 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

**3.** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường P;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Thanh Tuyền**

